

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và
Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW
của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII
về công tác dân số trong tình hình mới

Thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Chương trình hành động số 144-CTr/TU ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, với những nội dung như sau:

I. THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DÂN SỐ CỦA TỈNH HẬU GIANG TRONG TÌNH HÌNH MỚI:

1. Thực trạng:

- Hậu Giang, sau 25 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII và các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về dân số - kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGĐ), đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, hành động và thực sự đi vào cuộc sống của người dân, với kết quả đạt được cụ thể như: không chế được tốc độ gia tăng dân số thành công, đạt mức sinh thay thế (2,1 con/bà mẹ) năm 2006, trước 9 năm so với mục tiêu của Chiến lược Dân số Việt Nam đề ra; chất lượng dân số đã từng bước được cải thiện: tuổi thọ trung bình tăng từ 70,26 tuổi năm 2004, lên 75,5 tuổi năm 2017; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi đã giảm từ 25% năm 2004 xuống còn 12% năm 2017; tầm vóc, thể lực có bước cải thiện; tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi giảm từ 20,5‰ năm 2004 xuống 14,39 ‰ năm 2017; tỷ lệ cặp vợ chồng khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh để tầm soát, phát hiện, can thiệp kịp thời các bệnh, dị tật bẩm sinh năm sau cao hơn năm trước, đã góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Từ năm 2004 đến nay, Hậu Giang đang ở giai đoạn cơ cấu dân số vàng, số người trong độ tuổi lao động chiếm 65,6% năm 2017, có sự phân bố dân cư thành thị chiếm 25,8% và nông thôn 74,2%.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, nhận thức về DS-KHHGD của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân đã có bước đột phá. Quy mô gia đình sinh đủ 2 con, nuôi con khỏe, dạy con ngoan đã dần trở thành chuẩn mực, được xã hội chấp nhận rộng rãi.

- Dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được mở rộng đến vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện khó khăn và chất lượng từng bước được nâng cao.

2. Những vấn đề đặt ra:

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác dân số Hậu Giang còn đang đối mặt với những thách thức trong thời gian tới, cụ thể:

- Mức sinh có sự chênh lệch giữa các vùng và mức sinh hiện tại đạt mức rất thấp 1,54 con/bà mẹ năm 2017, thấp hơn khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là 1,84 con và toàn quốc 2,04 con. Nếu mức sinh thấp kéo dài sẽ thu hẹp giai đoạn dân số vàng, tăng nguy cơ thiếu hụt lao động, đẩy nhanh tốc độ già hóa dân số.

- Tỷ số giới tính tăng cao, năm 2017 là 111,4 bé trai/100 bé gái (giới hạn cho phép là 103 - 107 bé trai/100 bé gái) cao hơn khu vực ĐBSCL là 103,7 bé trai/100 bé gái và cả nước là 112,2 bé trai/100 bé gái. Mất cân bằng giới tính có nguy cơ thiếu lao động đối với các ngành nghề vốn thích hợp với phụ nữ như: giáo viên mầm non, tiểu học, y tá, may mặc,... quy mô dân số nam vượt trội sẽ có những tác động tiêu cực đến hôn nhân và gia đình, đến trật tự chính trị xã hội, làm gia tăng thêm sự bất bình đẳng giới như: nhiều phụ nữ phải kết hôn sớm hơn, tỷ lệ ly hôn và tái hôn của phụ nữ sẽ tăng cao, tình trạng bạo hành giới, mua dâm, mua bán phụ nữ sẽ gia tăng...

- Hậu Giang bước vào giai đoạn già hóa dân số năm 2013 và tỷ lệ này tăng qua từng năm: năm 2013 là 10%, năm 2015 12,4%, năm 2017 tăng lên 13,8%/tổng dân số, cao hơn mặt bằng cả nước (11%). Đa số người cao tuổi sống ở vùng nông thôn, đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, hiện có trên 10% người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, đối diện với gánh nặng "bệnh tật kép", nguy cơ tàn phế do quá trình lão hóa và chi phí điều trị lớn. Tuy nhiên hệ thống chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi của tỉnh chưa đảm bảo và chưa có giải pháp đồng bộ phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi cao, cứ 4 trẻ thì có 1 trẻ suy dinh dưỡng thấp còi; tầm vóc, thể lực của người Việt Nam tại Hậu Giang chậm được cải thiện so với các tỉnh lân cận; tuổi thọ bình quân tăng nhưng số năm sống khỏe mạnh thấp.

- Tỷ lệ phát hiện bệnh tật từ sàng lọc trước sinh và sơ sinh chiếm 0,92% năm 2017 (100 trẻ tầm soát thì có gần 1 trẻ có nguy cơ mắc bệnh); tuy nhiên, tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và tỷ lệ trẻ được sàng lọc sơ sinh để tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh còn rất thấp, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa.

- Tỷ lệ nạo phá thai, mang thai vị thành niên/thanh niên ngày càng tăng; năm 2015 có 200 vị thành niên/thanh niên mang thai chiếm 1,5%, tỷ lệ nạo phá thai chiếm 1,6%; năm 2016 có 324 phụ nữ mang thai ở tuổi vị thành niên, chiếm 2,5%; với những trường hợp mang thai, nạo phá thai ở tuổi vị thành niên/thanh niên thì nguy cơ sinh non, sinh con nhẹ cân, thai chết lưu và chết sơ sinh cao, vô sinh, từ đó ảnh hưởng rất lớn đến sự duy trì nòi giống, chất lượng dân số cho nguồn nhân lực địa phương trong tương lai.

- Phân bố dân số, quản lý nhập cư, di dân còn nhiều bất cập; việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người di cư khu công nghiệp còn nhiều hạn chế. Công tác xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình gặp nhiều khó khăn, chưa được người dân ủng hộ và tiếp cận nhiệt tình, còn trong chờ được nhà nước "bao cấp".

- Công tác truyền thông, giáo dục về dân số ở một số khu vực, nhóm đối tượng hiệu quả chưa cao; nội dung truyền thông, cung cấp dịch vụ chưa toàn diện, chủ yếu tập trung vào kế hoạch hoá gia đình.

- Một số chính sách về dân số cho các đối tượng ưu tiên còn thiếu; tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác dân số không ổn định, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác dân số kế hoạch hóa gia đình còn thấp; nguồn lực đầu tư cho dân số, kế hoạch hoá gia đình còn thấp, chưa tương xứng với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ hiện nay.

II. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu tổng quát:

Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh mức sinh thay thế phù hợp; đưa tỉ số giới tính khi sinh theo cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Đến năm 2025:

- Phần đầu đạt mức sinh thay thế đến 2025 là (1,9) con; quy mô dân số 855.613 người.

- Giảm 30% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị; 70% huyện đạt mức sinh thay thế; 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 1/2 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Tỉ số giới tính khi sinh dưới 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống (năm 2016 là 114 bé trai/100 bé gái); tỉ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 18%; tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt 12,4%; tỉ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng dưới 36%.

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70%; 50% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 80% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 67 năm; phần đầu 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở y tế chăm sóc tập trung.

- Tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 35%; bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn; bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn tỉnh.

2.2. Đến năm 2030:

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế đến 2030 là 2,1 con; quy mô dân số 925.554 người.

- Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị; 100% huyện đạt mức sinh thay thế; 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 2/3 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Tỷ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%; tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt 11%; tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng dưới 40%.

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; phần đầu 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở y tế chăm sóc tập trung.

- Tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 45%; bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng sâu, vùng khó khăn; bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chính quyền các cấp:

1.1. Các cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

- Tổ chức học tập, quán triệt và phổ biến nội dung Nghị quyết số 21-NQ/TW đến các cơ quan, địa phương, tổ chức và tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch

hóa gia đình sang dân số và phát triển nhằm giải quyết toàn diện các vấn đề quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch hành động thực hiện công tác dân số trong tình hình mới trên cơ sở cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết số 21-NQ/TW và Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Ban thường vụ Tỉnh ủy.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số; đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành.

- Lồng ghép các mục tiêu dân số và phát triển vào nội dung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do sở, ngành, địa phương chủ trì xây dựng và thực hiện.

- Đưa dân số thành một chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; lồng ghép các nội dung về dân số vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và nghiên cứu khoa học tại các trường, cơ sở đào tạo do sở, ngành, địa phương quản lý.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, đề án, dự án về dân số và phát triển phù hợp với tình hình thực tế của từng ngành, địa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, đặc biệt là cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, không lựa chọn giới tính khi sinh, toàn dân phát huy và chăm sóc người cao tuổi, nâng cao chất lượng dân số.

- Huy động Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các đoàn thể và cả cộng đồng tham gia mạnh mẽ công tác dân số; xây dựng chương trình, kế hoạch với các nhiệm vụ, biện pháp cụ thể; phân công trách nhiệm rõ ràng đối với từng ngành, cơ quan, đoàn thể.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

1.2. Sở Y tế:

- Chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch, nội dung, phương thức triển khai việc học tập, quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW.

- Cung cấp thông tin, số liệu về tình hình dân số cho Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành, địa phương, các cơ quan báo chí để tổ chức tuyên truyền rộng rãi, thường xuyên, liên tục về công tác dân số trong tình hình mới theo định hướng Nghị quyết số 21-NQ/TW.

1.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định cụ thể về đề cao

tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên và trách nhiệm của mỗi gia đình trong việc thực hiện chủ trương, chính sách dân số, nhất là nên có 2 con, nuôi dạy con tốt, kính già, yêu trẻ, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội.

2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số:

2.1. Sở Y tế:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và địa phương xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Đề án truyền thông dân số đến năm 2030, tập trung các nội dung sau:

- Mở rộng toàn diện nội dung truyền thông, giáo dục cả về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội; duy trì mức sinh thay thế, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, tận dụng cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Xây dựng nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với thực trạng mức sinh của từng vùng, đối tượng theo hướng sinh ít con hơn ở vùng có mức sinh cao, sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp, duy trì mức sinh thay thế trên toàn tỉnh.

- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về bình đẳng giới, nêu cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội; chú trọng truyền thông về thực trạng, nguyên nhân và hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh, tạo dư luận xã hội phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi và khuyến khích người phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này. Tuyên truyền nâng cao đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ y tế, chấm dứt tình trạng lạm dụng khoa học công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức, tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỷ số giới tính khi sinh cao.

- Tập trung tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, hiệu quả của việc thực hiện các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số. Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh. Vận động người cao tuổi khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm, tuyên truyền kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc một số bệnh thường gặp cho người cao tuổi, gia đình người cao tuổi để có khả năng tự chăm sóc người cao tuổi tại gia đình.

- Truyền thông vận động, tạo phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục - thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý; tổ chức các cuộc thi thể dục, thể thao quần chúng, lối cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân ở mọi lứa tuổi tham gia; chú trọng nêu gương những cá nhân, gia đình điển hình.

- Chú trọng hình thức tư vấn, đối thoại, vận động trực tiếp các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, cho nam giới, thanh niên và vị thành niên; nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình trong mọi tầng lớp nhân dân.

- Đẩy mạnh truyền thông, tư vấn, vận động các đối tượng ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều người dân tộc và vùng tôn giáo, cung cấp trang thiết bị truyền thông, sản phẩm và tài liệu tuyên truyền.

- Mở rộng nâng cao chất lượng các hình thức giáo dục dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, giới và giới tính trong hệ thống trường học.

- Ứng dụng các kết quả nghiên cứu và khảo sát để nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông; định kỳ đánh giá kết quả chuyển đổi hành vi của các nhóm đối tượng nhằm điều chỉnh kế hoạch và nội dung, phương thức hoạt động của chương trình thông tin giáo dục, tuyên truyền cho phù hợp.

- Vận động và phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, trưởng ấp, người có uy tín trong cộng đồng tham gia tuyên truyền; lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hóa, quy ước của cộng đồng, tiêu chuẩn ấp, khu vực văn hóa, gia đình văn hóa.

- Đổi mới toàn diện, đa dạng các hình thức, phương pháp truyền thông phù hợp từng nhóm đối tượng; đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng ở từng địa phương; tập trung khai thác, phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và các cộng tác viên dân số.

2.2. Sở Thông tin và Truyền thông:

Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và sở, ban, ngành, địa phương chỉ đạo các cơ quan báo chí đưa công tác dân số là một trong những nội dung thường xuyên, liên tục được truyền tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và là thông điệp truyền thông chủ yếu của đội ngũ tuyên truyền viên, cộng tác viên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2.3. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Xây dựng, ban hành kế hoạch giảng dạy lồng ghép nội dung về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh, sinh viên, nhất là giáo dục phổ thông, bảo đảm hình thành kiến thức và kỹ năng đúng đắn có hệ thống cho thế hệ trẻ.

- Đa dạng các loại hình giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, giới và giới tính; dịch vụ thân thiện cho vị thành niên, thanh niên trong nhà trường.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về dân số:

3.1. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam tại tỉnh

Hậu Giang đến năm 2030 theo hướng chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển, phát huy lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng, trình HĐND tỉnh ban hành Đề án điều chỉnh và duy trì chính mức sinh vùng, đối tượng phù hợp; trong đó, những nơi có mức sinh cao (trên 2,3 con) cần tiếp tục tuyên truyền, vận động và thực hiện các biện pháp hỗ trợ, khuyến khích để người dân sinh ít con hơn; những nơi có mức sinh thấp (dưới 1,8 con) cần tuyên truyền, vận động và thực hiện các biện pháp khuyến khích người dân sinh đủ 2 con nhằm duy trì vững chắc mức sinh thay thế trên toàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, đẩy mạnh công tác truyền thông bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, nghiêm cấm lựa chọn giới tính khi sinh, tăng cường công tác thanh kiểm tra về lựa chọn giới tính khi sinh, ngăn ngừa có hiệu quả việc lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi, các chính sách tuyên dương gia đình sinh đủ 2 con là gái, nuôi con khỏe dạy con ngoan tạo sức lan tỏa trong cộng đồng nhằm đưa tỷ số giới tính nằm trong giới hạn cho phép.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Đề án chính sách dân số và nâng cao chất lượng dân số, nhằm xây dựng chế độ khuyến khích tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số và nâng cao chất lượng dân số như chính sách khuyến khích sinh đủ 2 con; khám sức khỏe tiền hôn nhân cho nam, nữ thanh niên có nguy cơ cao, gia đình nghèo; tầm soát bệnh, tật bẩm sinh cho các đối tượng nguy cơ cao, người nghèo, dân tộc, người có công cách mạng; chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi neo đơn, chính sách đầu tư cho công tác dân số, chính sách cho đội ngũ công tác viên làm công tác dân số, gia đình và trẻ em và một số chính sách khác đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương.

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch thanh tra chuyên ngành; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ thanh tra chuyên ngành dân số; thực thi thanh tra, kiểm tra việc chấp hành, xử lý các hành vi vi phạm về lĩnh vực DS-KHHGD.

3.2. Sở Tư pháp:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng, ban hành hướng dẫn đưa chính sách dân số vào tiêu chuẩn, tiêu chí, quy định của ấp, khu vực, khu vực, khu dân cư phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Rà soát, kiến nghị điều chỉnh hoặc bãi bỏ các quy định về xử lý vi phạm trong công tác dân số không phù hợp với quy định của pháp luật.

- Xây dựng quy định về khám sức khỏe tiền hôn nhân phù hợp với tình hình thực tế địa phương trước khi kết hôn nhằm nâng cao chất lượng giống nòi.

3.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn nhằm thống nhất các tiêu chí đánh giá về gia đình hạnh phúc trong thời kỳ mới; hướng dẫn lồng ghép các nội dung công tác dân số trong tình hình mới với công tác gia đình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục - thể thao, du lịch và thiết chế văn hóa cơ sở.

3.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, lồng ghép các yếu tố dân số, bao gồm cả quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từng ngành và địa phương.

3.5. Công an tỉnh:

Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3.6. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm về bố trí dân cư hợp lý nhằm hỗ trợ thỏa đáng các dịch vụ xã hội cơ bản một cách đầy đủ và công bằng, thu hút, tạo điều kiện cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài tại vùng đặc biệt khó khăn, khu vực trọng yếu về an ninh, quốc phòng.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số:

4.1. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Đề án củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030, nhằm nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị; tập huấn kiến thức, kỹ năng tư vấn cho cán bộ dân số; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế; đảm bảo phương tiện tránh thai, đẩy mạnh xã hội hóa, mở rộng các loại hình dịch vụ gắn với triển khai thực hiện gói bảo hiểm y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe, đáp ứng nhu cầu được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại của mọi nhóm đối tượng, nhất là vị thành niên và thanh niên.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030, Kế hoạch thực hiện Chương trình 1, 2 thuộc Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam tại tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, Kế hoạch thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030, Kế hoạch thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình vị thành niên/thanh niên đến năm 2030; trong đó, phát triển mạng lưới, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, khám sức

khỏe trước hôn nhân; tư vấn chăm sóc khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên và thanh niên, dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm một số bệnh, tật trước sinh, sơ sinh và hỗ trợ sinh sản; tập huấn kiến thức, kỹ năng tư vấn cho cán bộ dân số; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế; thử nghiệm, mở rộng một số bệnh, tật được đưa vào chương trình; thiết lập hệ thống thông tin quản lý dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh, đặc biệt trong việc quản lý các đối tượng mắc và được điều trị; phát triển hệ thống lão khoa theo nguyên tắc kết hợp dự phòng, nâng cao sức khỏe, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc giảm nhẹ; đào tạo, tập huấn kiến thức lão khoa cho cán bộ y tế các cấp, đặc biệt là y tế cơ sở; đưa nội dung lão khoa vào chương trình đào tạo trong hệ thống các trường y; củng cố, nâng cao năng lực các cơ sở lão khoa đầu ngành; các loại hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và cơ sở chăm sóc tập trung; xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi. Tăng cường trang bị kiến thức, kỹ năng cho tình nguyện viên, cộng tác viên, người giúp việc và bản thân người cao tuổi về chăm sóc người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng. Phát triển mạng lưới, nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn, chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 5 tuổi, hướng dẫn và thực hiện chế độ chăm sóc dinh dưỡng đối với học sinh mẫu giáo, tiểu học, triển khai chương trình sữa học đường đối với học sinh mẫu giáo, tiểu học. Trang bị kiến thức và kỹ năng chăm sóc, thực hành dinh dưỡng cho người chăm sóc trẻ, thầy cô các trường mẫu giáo, tiểu học.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Đề án củng cố hệ thống thông tin thống kê chuyên ngành dân số; trong đó, hình thành hệ thống lưu trữ, kết nối thông tin số liệu dân số; cung cấp thông tin, số liệu dân số đáp ứng nhu cầu sử dụng của mọi cơ quan, tổ chức trong toàn xã hội, phục vụ việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan xây dựng, thực hiện Đề án nâng cao năng lực nghiên cứu về dân số và phát triển, nhằm đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn, làm rõ mối quan hệ hữu cơ giữa dân số và phát triển, dân số thực sự là động lực cho phát triển; đề xuất phương án điều chỉnh các yếu tố dân số để quy mô, cơ cấu, phân bố dân số được hài hòa, hợp lý, chất lượng dân số ngày càng cao phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, bảo đảm phát triển bền vững của từng địa phương; tăng cường nghiên cứu khoa học dự phòng, điều trị và phục hồi chức năng trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, khảo sát những yếu tố chủ yếu tác động đến thể lực, tầm vóc người Việt Nam tại Hậu Giang như: khảo sát, thống kê các chỉ số sinh học; các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá thể lực, tầm vóc người Việt Nam tại Hậu Giang; yếu tố di truyền và môi trường chi phối chiều cao; xác định tần số bệnh tật gây bất thường về tầm vóc, thể lực.

- Chú trọng các nghiên cứu tác nghiệp, phục vụ việc xây dựng, thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và quản lý, điều hành công tác dân số; tăng cường năng lực cơ sở nghiên cứu dân số và phát triển.

- Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, đặc biệt công nghệ y - sinh học, công nghệ thông tin trong triển khai và quản lý dịch vụ dân số.

- Rà soát, sửa đổi, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quy định về các dịch vụ dân số, bao gồm: phương tiện, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân; tầm soát, chẩn đoán và điều trị một số bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; chăm sóc người cao tuổi, dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em dưới 5 tuổi.

4.2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường quản lý nhà nước, bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản cho người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát huy lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số.

- Chủ trì mở rộng, nâng cao hiệu quả giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu của thị trường lao động.

- Rà soát, hoàn thiện chính sách hỗ trợ người lao động trong đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ, đặc biệt đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, nông dân tham gia xuất khẩu lao động.

- Đẩy mạnh chương trình tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị, tăng thời gian sử dụng lao động ở khu vực nông nghiệp, nông thôn; tăng cường xuất khẩu lao động; duy trì, củng cố thị trường xuất khẩu lao động truyền thống, mở rộng xuất khẩu lao động sang các thị trường mới.

4.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản, bảo đảm nhóm dân số đặc thù như trẻ em, phụ nữ mang thai, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người, người di cư... đều bình đẳng trong tham gia, thụ hưởng thành quả phát triển.

4.4. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Rà soát, hoàn thiện các đề án, chính sách về giáo dục từ mầm non trở lên để bổ sung các nội dung, hoạt động liên quan đến nâng cao chất lượng dân số, tầm vóc thể lực người Việt Nam.

4.5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện các đề án, chính sách về văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao,... góp phần nâng cao chất lượng dân số theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW.

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Y tế và các sở, ban, ngành, địa phương nghiên cứu, xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Đề án thí điểm xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình đến năm 2025.

4.6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện các chính sách về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, chương trình nước sạch nông thôn, an toàn thực phẩm trong nông nghiệp; bổ sung các chương trình, dự án để hỗ trợ, tạo điều kiện cho người di cư ổn định cuộc sống, tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản.

4.7. Sở Xây dựng:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện quy hoạch các khu đô thị, nhà ở, nước sạch đô thị từng vùng, địa phương; các thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn về nhà ở và công trình công cộng phù hợp với người cao tuổi.

4.8. Sở Giao thông vận tải:

Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan rà soát, điều chỉnh quy hoạch, thiết kế hệ thống giao thông, phương tiện vận chuyển công cộng phù hợp với người cao tuổi.

4.9. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành liên quan ưu tiên triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh về dân số trong tình hình mới.

5. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số:

5.1. Sở Y tế:

Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng, vận hành các cơ sở dịch vụ nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc người cao tuổi; sản xuất, phân phối phương tiện tránh thai, tăng cường đầu tư truyền thông dân số và phát triển.

5.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế bảo đảm cân đối đủ vốn đầu tư cho các nội dung công tác dân số và phát triển do ngân sách nhà nước bảo đảm; đồng thời xây dựng chính sách, kế hoạch cụ thể huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 21-NQ/TW và Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Ban thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW.

- Rà soát, bổ sung chương trình vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) từ tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ cho các chương trình, dự án về dân số và phát triển.

5.3. Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế cân đối đủ nguồn lực, ngân sách địa phương để đảm bảo triển khai các nhiệm vụ, đề án của Kế hoạch này theo quy định

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách chi đầu tư cho công tác dân số và phát triển theo bình quân đầu dân đảm bảo mọi người nhân đều bình đẳng trong tham gia và thụ hưởng các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số và giống nòi.

6. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số:

6.1. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, cán bộ làm công tác hoạch định chính sách ở các cấp, các ngành trong tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Đề án nghiên cứu mô hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước dân số và phát triển giai đoạn 2021 - 2030.

- Kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy chuyên trách làm công tác dân số hiện nay theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, thực hiện chức năng quản lý và điều phối có hiệu quả công tác dân số trong tình hình mới; tổ chức bộ máy làm công tác dân số phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất.

- Rà soát, xây dựng, ban hành chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ công tác viên dân số ở ấp, khu vực... để đội ngũ này yên tâm công hiến và hoạt động có hiệu quả.

- Tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp, các ngành, đáp ứng yêu cầu chuyển hướng trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính; củng cố cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; nâng cấp công nghệ thông tin điện tử, tích hợp các phần mềm ứng dụng trong quản lý và cung cấp các dịch vụ về dân số nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng, khai thác thông tin về dân số và phát triển, ưu tiên phát triển cung cấp dịch vụ dân số qua mạng, tạo thuận lợi cho người dân.

- Bổ sung, mở rộng hệ thống chỉ tiêu về dân số và phát triển, bao gồm cả chỉ tiêu về dân số tham gia bảo hiểm y tế vào tổng điều tra, điều tra giữa kỳ và hàng năm; hoàn thiện hệ thống thông tin thống kê, cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số kết nối với hệ thống dữ liệu hộ gia đình của cơ quan bảo hiểm xã hội

nhằm cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

6.2. Sở Nội vụ:

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, thực hiện các Đề án: mô hình tổ chức bộ máy chuyên trách làm công tác dân số các cấp; nghiên cứu, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý liên quan đến dân số và phát triển.

- Phối hợp với Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh nghiên cứu, xây dựng Đề án thí điểm mạng lưới cộng tác viên thực hiện công tác dân số, gia đình và trẻ em ở cộng đồng.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN:

Thời gian thực hiện từ năm 2018 đến năm 2030. Giao Sở Y tế (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo công tác DS-KHHGĐ tỉnh Hậu Giang) có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch cụ thể hóa hàng năm để đảm bảo thực hiện đạt mục tiêu, chỉ tiêu và tiến độ theo Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch, đề án phù hợp với tình hình, nhiệm vụ và thực tiễn của địa phương, đơn vị nhằm đảm bảo tổ chức thực hiện theo tinh thần, nội dung Nghị quyết số 21-NQ/TW, Chương trình hành động của Chính phủ, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh trong quý II năm 2018.

2. Sở Y tế:

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch, chương trình, đề án, chính sách dân số và tổ chức triển có hiệu quả. Định kỳ tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh theo quy định.

3. Sở Tư pháp:

- Tăng cường tuyên truyền Luật hôn nhân và gia đình; phối hợp cùng ngành y tế tuyên truyền, tư vấn đối tượng nam nữ chuẩn bị kết hôn tham gia khám sức khỏe tiền hôn nhân trước khi cấp giấy chứng nhận kết hôn.

- Rà soát, kiến nghị điều chỉnh các quy định về xử lý vi phạm trong công tác dân số không phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, mô hình trong cộng đồng và các chính sách an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội nhằm nâng cao vị thế của phụ nữ và trẻ em gái, cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân trong cộng đồng.

- Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các chương trình, đề án; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

5. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Phối hợp với Sở Y tế, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội về dân số và phát triển để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch.

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí để thông tin tuyên truyền kịp thời đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển.

- Hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai kết nối liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với hệ thống thông tin của các sở, ban, ngành, địa phương để khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, mô hình trong cộng đồng và các quy định, quy ước gia đình trong thời kỳ mới nhằm đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên và trách nhiệm của mỗi gia đình trong việc thực hiện chủ trương, chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình trong tình hình mới.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các chương trình, đề án; định kỳ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới gắn với nội dung dân số và phát triển.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án hoàn thiện các chính sách về di dân, tái định cư dự án thủy lợi để hỗ trợ, tạo điều kiện cho người di cư ổn định cuộc sống, tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

8. Sở Khoa học và Công nghệ:

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng, triển khai các đề án, chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ về dân số và phát triển

trong tình hình mới. Ưu tiên triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh về lĩnh vực dân số; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

9. Sở Nội vụ:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 2474/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Đề án quy định cơ chế phối hợp liên ngành về dân số và phát triển; Đề án thí điểm mạng lưới cộng tác viên thực hiện công tác dân số, gia đình và trẻ em ở cộng đồng; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch lồng ghép nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục; chương trình sửa học đường, dinh dưỡng; giới, bình đẳng giới cho học sinh, sinh viên trong các kỳ nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt ngoại khóa trong nhà trường,...; đồng thời, xây dựng các góc truyền thông, cung cấp các dịch vụ thân thiện cho vị thành niên, thanh niên trong nhà trường.

- Lồng ghép các nội dung về dân số vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và nghiên cứu khoa học tại các trường, cơ sở đào tạo do ngành quản lý.

11. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với Sở Y tế cùng các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh đưa các chỉ tiêu về dân số và phát triển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của tỉnh; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính cân đối ngân sách nhà nước đảm bảo chi các hoạt động của chương trình dân số; đồng thời, xây dựng quy hoạch tỉnh phù hợp với hiện trạng và xu hướng phát triển các yếu tố dân số trên địa bàn tỉnh.

12. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Y tế trong việc bố trí, phân bổ nguồn sự nghiệp y tế và các nguồn ngân sách để đảm bảo thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án của Kế hoạch hành động thực hiện Nghị Quyết số 21/NQ-TW về công tác dân số trong tình hình mới tỉnh Hậu Giang đến năm 2030.

13. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trong việc xây dựng chính sách, quy hoạch, kế hoạch phân bố dân cư gắn với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khai thác tài nguyên, chương trình nước sạch nông thôn, an toàn thực phẩm nông nghiệp và bảo vệ môi trường sinh thái; hạn chế tác hại của môi trường đối với sức khỏe cộng đồng.

14. Báo Hậu Giang, Đài phát thanh và Truyền hình Hậu Giang và các cơ quan thông tin đại chúng thường trú trên địa bàn tỉnh:

- Xây dựng, thực hiện kế hoạch tuyên truyền rộng rãi nội dung của Nghị quyết số 21-NQ/TW nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất nhận thức và sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân về chủ trương chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tăng cường tuyên truyền, vận động trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, thường xuyên, liên tục tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, kiến thức về dân số và phát triển trong toàn xã hội.

- Tổ chức tập huấn về nội dung, phương pháp tuyên truyền về dân số và phát triển cho cộng tác viên, phóng viên.

15. Ban Dân tộc:

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách dân số đối với đồng bào dân tộc trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền vận động thực hiện chính sách dân số đối với đồng bào các dân tộc.

- Phối hợp và giám sát thực hiện Nghị định số 39/NĐ-CP ngày 27 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

16. Cục Thống kê:

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan điều tra, đánh giá các chỉ số liên quan đến DS - KHHGD và chất lượng dân số. Thống nhất phương án thống kê số liệu chuyên ngành dân số để có được số liệu phù hợp và đánh giá chính xác thực trạng công tác dân số tại địa phương.

17. Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị, tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai Kế hoạch này; lồng ghép nội dung về dân số vào hoạt động của cơ quan, đơn vị và thực hiện có hiệu quả chính sách dân số trong cơ quan, đơn vị; định kỳ báo cáo kết quả về Sở Y tế trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế.

18. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên:

Phổ biến, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác dân số; đồng thời, giám sát việc thực hiện Nghị quyết

số 21-NQ/TW, Chương trình hành động của Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh.

19. UBND huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ Kế hoạch này, chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-TW về công tác dân số trong tình hình mới của huyện, thị xã, thành phố.

- Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn căn cứ vào Kế hoạch của tỉnh, huyện và điều kiện thực tế của địa phương, có trách nhiệm xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động của địa phương, đưa thành Nghị quyết của cấp ủy, giao mục tiêu, chỉ tiêu dân số cho từng ấp, khu vực tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân số trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã, khen thưởng và biểu dương kịp thời những tập thể và cá nhân thực hiện tốt công tác dân số và xử lý những trường hợp vi phạm; đồng thời, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện công tác dân số của địa phương.

- Ban hành theo thẩm quyền cơ chế đầu tư, chính sách ưu đãi, khuyến khích các cơ quan, đơn vị, cá nhân cung cấp các dịch vụ dân số phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế ở địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác dân số tại địa phương, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Đầu tư kinh phí thực hiện các nội dung dân số phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW tại địa phương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện; trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Y tế;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. LHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đông Văn Thanh

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 21-NQ/TW
(Đính kèm Kế hoạch số: 55 /KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh)

	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì/ Cấp trình	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cơ quan ban hành	Sản phẩm hoàn thành
I	Sở Y tế					
1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030	Sở Y tế	Sở, ngành liên quan	2018	UBND tỉnh	Kế hoạch
2	Xây dựng Đề án Truyền thông dân số đến năm 2030	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan, Đài PTTH Hậu Giang, Báo Hậu Giang	2018	UBND tỉnh	Quyết định, Đề án
3	Xây dựng Đề án điều chỉnh mức sinh giữa các vùng, đối tượng đến năm 2030	Sở Y tế	Sở, ngành liên quan	2018	HĐND tỉnh	Nghị quyết
4	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh đến năm 2030	Sở Y tế	Sở, ngành liên quan	2018	UBND tỉnh	Kế hoạch
5	Xây dựng Đề án tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030	Sở Y tế	Sở, ngành liên quan	2018	UBND tỉnh	Quyết định, Đề án
6	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030	Sở Y tế	Sở, ngành liên quan	2018	UBND tỉnh	Kế hoạch
7	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình vị thành niên/thanh niên đến năm 2030	Sở Y tế	Sở, ngành liên quan	2018	UBND tỉnh	Kế hoạch
8	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình 1, 2 thuộc Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam tại tỉnh Hậu Giang đến năm 2030	Sở Y tế	Sở, ngành liên quan	2018	UBND tỉnh	Kế hoạch
9	Xây dựng Đề án chính sách dân số và nâng cao chất lượng dân số đến năm 2030	Sở Y tế	Sở, ngành liên quan	2018	HĐND tỉnh	Nghị quyết
10	Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp đến năm 2030	Sở Y tế	Sở, ngành liên quan	2019	UBND tỉnh	Quyết định, Đề án
11	Xây dựng Đề án củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030	Sở Y tế	Sở, ngành liên quan	2020	UBND tỉnh	Quyết định, Đề án

12	Xây dựng Đề án củng cố hệ thống thông tin thống kê chuyên ngành dân số đến năm 2030	Sở Y tế	Sở, ngành liên quan	2020	UBND tỉnh	Quyết định, Đề án
II	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội					
1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường quản lý nhà nước, đảm bảo khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản cho người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị	Sở Lao động Thương binh và xã hội	Sở, ngành liên quan	2019	UBND tỉnh	Kế hoạch
2	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án phát huy lợi thế dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số	Sở Lao động Thương binh và xã hội	Sở, ngành liên quan	2019	UBND tỉnh	Kế hoạch
3	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi đến năm 2030	Sở Lao động Thương binh và xã hội	Sở, ngành liên quan	2020	UBND tỉnh	Kế hoạch
III	Sở Giáo dục và Đào tạo					
1	Xây dựng, ban hành Kế hoạch lồng ghép giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh, sinh viên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ngành liên quan	2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	Kế hoạch
IV	Sở Nội vụ					
1	Xây dựng Đề án quy định cơ chế phối hợp liên ngành về dân số và phát triển	Sở Nội vụ	Sở Y tế và các sở, ngành liên quan	2019	UBND tỉnh	Quyết định, Đề án
2	Xây dựng Đề án thí điểm mạng lưới cộng tác viên thực hiện công tác dân số, gia đình và trẻ em ở cộng đồng	Sở Nội vụ	Sở Y tế, Sở VH TT & DL, Sở LĐ-TB & XH, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	2019	UBND tỉnh	Quyết định, Đề án
V	Sở Tài chính					
1	Xây dựng phương án sửa đổi, bổ sung quy định nội dung chỉ công tác dân số, đặc biệt là các chính sách dân số, nâng cao chất lượng dân và truyền thông dân số theo tinh thần Nghị Quyết 137 của Chính phủ theo đề nghị của Sở Y tế khi có chủ trương của cấp thẩm quyền	Sở Tài chính	Sở, ngành liên quan		HĐND tỉnh	Nghị quyết
VI	Sở Kế hoạch và Đầu tư					
1	Xây dựng lồng ghép các yếu tố dân số vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành liên quan	2019	UBND tỉnh	
2	Xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách đầu tư phát triển các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản cho công tác dân số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ngành liên quan	2019	UBND tỉnh	

VII	Sở Tư pháp					
1	Xây dựng, ban hành hướng dẫn đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của cộng đồng của tỉnh	Sở Tư pháp	Sở, ngành liên quan	2019	UBND tỉnh	
VIII	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch					
1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở, ngành liên quan	2020	UBND tỉnh	Kế hoạch
2	Xây dựng quy định về đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên và trách nhiệm của mỗi gia đình trong việc thực hiện chủ trương, chính sách dân số, nhất là nên có 2 con, nuôi dạy con tốt, kính già, yêu trẻ, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Y tế, Sở ngành liên quan	2018	UBND tỉnh	
3	Sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn hiện hành nhằm thống nhất các tiêu chí đánh giá về gia đình hạnh phúc trong thời kỳ mới; hướng dẫn lồng ghép tuyên truyền về công tác dân số với công tác gia đình; gắn thiết chế văn hóa cơ sở trong thực hiện chính sách dân số và xây dựng gia đình hạnh phúc trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở, ngành liên quan	2019	UBND tỉnh	
4	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình đến năm 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công an tỉnh, Sở Y tế và sở, ngành liên quan	2019	UBND tỉnh	Kế hoạch
IX	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh					
1	Xây dựng Kế hoạch bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng đặc biệt khó khăn, khu vực trọng yếu về an ninh quốc phòng	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Sở, ngành liên quan	2019	UBND tỉnh	Kế hoạch
X	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					
1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án hoàn thiện các chính sách về di dân, tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện để hỗ trợ, tạo điều kiện cho người di cư ổn định cuộc sống, tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ngành liên quan	2019	UBND tỉnh	Kế hoạch
XI	Sở Khoa học và Công nghệ					
1	Xây dựng Kế hoạch nâng cao năng lực nghiên cứu về dân số và phát triển đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành liên quan	2020	UBND tỉnh	Kế hoạch
2	Xây dựng, triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh về dân số và phát triển trong tình hình mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ngành liên quan	Hàng năm	UBND tỉnh	